

PHẦN I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN.

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. Mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0.25 điểm

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu em chọn đúng nhất.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây về khối lượng riêng là đúng?

A. Khối lượng riêng của một chất là khối lượng của một đơn vị thể tích chất đó. **B.** Nói khối lượng riêng của sắt là 7800 kg/m^3 có nghĩa là 1 cm^3 sắt có khối lượng 7800 kg .

C. Công thức tính khối lượng riêng là $D = m.V$.

D. Khối lượng riêng bằng trọng lượng riêng.

Câu 2. Biết 10 lít cát có khối lượng 15 kg. Tính thể tích của 1 tấn cát.

A. $0,667 \text{ m}^3$.

B. $0,667 \text{ m}^4$.

C. $0,778 \text{ m}^3$.

D. $0,778 \text{ m}^4$.

Câu 3. Cho khối lượng riêng của nhôm, sắt, chì, đá lần lượt là 2700 kg/m^3 , 7800 kg/m^3 , 11300 kg/m^3 , 2600 kg/m^3 . Một khối đồng chất có thể tích 300 cm^3 , nặng 810 g đó là khối.

A. Nhôm.

B. Sắt.

C. Chì.

D. Đá.

Câu 4: Áp lực của gió tác dụng trung bình lên một cánh buồm là 6800 N , khi đó cánh buồm chịu một áp suất 340 N/m^2 . Diện tích của cánh buồm bằng bao nhiêu?

A. 15 m^2

B. 20 m^2

C. 25 m^2

D. 30 m^2

Câu 5: Điền vào chỗ trống cụm từ thích hợp: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi....theo mọi hướng.

A. một phần

B. nguyên vẹn

C. khắp nơi

D. không đổi

Câu 6. Dung dịch là

A. Hỗn hợp không đồng nhất gồm nhiều chất tan.

B. Hỗn hợp gồm nhiều chất khác nhau.

C. Gồm một chất là chất tan và một chất là dung môi.

D. Hỗn hợp đồng nhất gồm chất tan và dung môi.

Câu 7. Độ tan (kí hiệu là S) của một chất trong nước là:

A. Số gam chất đó hòa tan hoàn toàn trong nước

B. Số gam chất đó hòa tan trong 100 gam nước để tạo thành dung dịch bão hòa ở nhiệt độ xác định.

C. Số gam chất đó hòa tan trong 1 lít nước để tạo thành dung dịch bão hòa.

D. Số gam chất đó hòa tan trong 100 gam nước để tạo thành dung dịch quá bão hòa ở nhiệt độ xác định.

Câu 8. Trong một phản ứng hoá học

A. Số nguyên tử mỗi nguyên tố được bảo toàn.

B. Số nguyên tử trong mỗi chất được bảo toàn.

C. Số phân tử của mỗi chất không đổi.

D. Số chất không đổi.

Câu 9. Hòa tan một lượng Fe trong dung dịch hydrochloric acid (HCl), sau phản ứng thu được 3,36 lít khí H_2 ở điều kiện tiêu chuẩn. Khối lượng hydrochloric acid có trong dung dịch đã dùng là

- A. 3,65 gam. B. 5,475 gam. C. 10,95 gam. D. 7,3 gam.

Câu 10. Chất làm tăng tốc độ phản ứng hóa học nhưng vẫn không bị biến đổi về mặt hóa học được gọi là

- A. Chất xúc tác B. Chất tham gia C. Chất sản phẩm D. Chất trung gian

Câu 11. Phân tử acid gồm có:

- A. Một hay nhiều nguyên tử phi kim liên kết với gốc acid.
 B. Một hay nhiều nguyên tử hydrogen liên kết với gốc acid.
 C. Một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với nhóm hiđroxit (OH).
 D. Một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid.

Câu 12. Chất nào sau đây tác dụng với Hydrochloric acid sinh ra khí H_2 ?

- A. MgO. B. FeO. C. CaO. D. Fe.

Câu 13. Trong số những chất có công thức hoá học dưới đây, chất nào quỳ tím đổi từ màu tím sang màu đỏ?

- A. HNO_3 . B. NaOH. C. $Ca(OH)_2$. D. NaCl.

Câu 14. Hoạt động đầu tiên của quá trình tiêu hóa xảy ra ở đâu?

- A. Miệng. B. Thực quản. C. Dạ dày. D. Ruột non.

Câu 15. Khi hồng cầu kết hợp với chất khí nào thì máu sẽ có màu đỏ tươi?

- A. N_2 . B. CO_2 . C. O_2 . D. CO.

Câu 16. Chất độc nào dưới đây có nhiều trong khói thuốc lá?

- A. Hêrôin. B. Côcain. C. Moocphin. D. Nicôtin

Câu 17. Nhóm máu không mang kháng thể α và β có thể truyền được cho nhóm máu nào dưới đây?

- A. O B. B C. A D. AB

Câu 18. Loại thức uống nào dưới đây gây hại cho gan của bạn?

- A. Rượu trắng B. Nước lọc
 C. Nước khoáng D. Nước ép trái cây

Câu 19. Bệnh nào dưới đây có thể gây ra nhiều biến chứng nguy hiểm ở hệ tim mạch?

- A. Bệnh nước ăn chân. B. Bệnh tay chân miệng.
 C. Bệnh thấp khớp. D. Bệnh á sừng.

Câu 20. Khi luyện thở thường xuyên và vừa sức, chúng ta sẽ làm tăng

- A. dung tích sống của phổi. B. lượng khí cặn của phổi.
 C. khoảng chết trong đường dẫn khí. D. lượng khí lưu thông trong hệ hô hấp.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Học sinh trả lời từ **câu 1** đến **câu 20**. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, em hãy chọn đúng hoặc sai. (**Đ - S**)

Câu 1: Một nhóm kỹ sư đang thiết kế một hệ thống đường ống dẫn nước cho một tòa nhà cao tầng. Họ cần đảm bảo rằng áp suất nước tại các vòi ở các tầng khác nhau là đủ mạnh để phục vụ

nhu cầu sử dụng. Dựa vào kiến thức về áp suất chất lỏng, hãy xác định tính đúng/sai của các phát biểu sau:

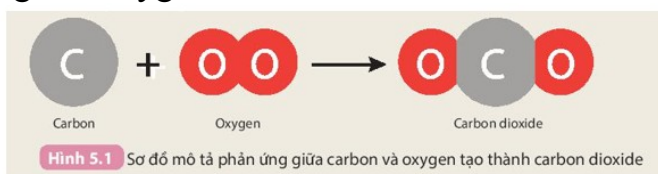
- a, Áp suất nước tại các vòi ở tầng cao nhất của tòa nhà sẽ lớn hơn áp suất nước tại các vòi ở tầng thấp nhất.
- b, Nếu đường ống dẫn nước có cùng đường kính, áp suất nước sẽ không thay đổi theo độ cao của tòa nhà.
- c, Áp suất nước tại một điểm trong đường ống chỉ phụ thuộc vào độ sâu của điểm đó so với mặt thoáng của nước trong bể chứa.
- d, Khi tăng đường kính của đường ống dẫn nước, áp suất nước tại các vòi sẽ tăng lên.

Câu 2 Trong các câu sau đây, câu hỏi nào đúng, câu nào sai?

- a, Hai dung dịch đường và muối ăn có cùng khối lượng, cùng nồng độ phần trăm thì chứa khối lượng đường và muối ăn bằng nhau.
- b, Hai dung dịch đường và muối ăn có cùng khối lượng, cùng nồng độ phần trăm thì số mol đường và muối ăn bằng nhau.
- c, Hai dung dịch NaOH và H_2SO_4 có cùng thể tích, cùng nồng độ mol thì chứa khối lượng chất tan bằng nhau.
- d, Hai dung dịch NaOH và H_2SO_4 có cùng thể tích, cùng nồng độ mol thì chứa số mol chất tan bằng nhau.

PHẦN III: TỰ LUẬN

Câu 1 (1,0đ): Carbon tác dụng với oxygen theo sơ đồ Hình 5.1



Giải thích tại sao khối lượng carbon dioxide bằng tổng khối lượng carbon và oxygen.

Câu 2 (1,0đ): Đốt cháy m g kim loại Magnesium (Mg) trong không khí thu được 8g hợp chất Magnesium oxide (MgO). Biết rằng khối lượng Magnesium (Mg) tham gia bằng 1,5 lần khối lượng của oxygen (không khí) tham gia phản ứng.

- a. Viết phản ứng hóa học.
- b. Tính khối lượng của Mg và oxygen đã phản ứng.

Câu 3 (1,0đ): Để phòng ngừa các bệnh tim mạch, chúng ta cần lưu ý điều gì?

ĐÁP ÁN:

PHẦN I. CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	A	C	B	D	B	A	C	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	D	A	A	C	A	D	A	C	A

Mỗi câu trắc nghiệm đúng đều được 0,25 điểm

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S
	a	S		a	Đ

1	b	S	2	b	S
	c	Đ		c	S
	d	S		d	Đ

- Điểm tối đa 1 câu là 1 điểm

- HS lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu được 0,1 điểm.

- HS lựa chọn chính xác 2 ý trong 1 câu được 0,25 điểm.

- HS lựa chọn chính xác 3 ý trong 1 câu được 0,5 điểm.

- HS lựa chọn chính xác 4 ý trong 1 câu được 1 điểm.

PHẦN III. TỰ LUẬN:

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1,0đ)	Khối lượng carbon dioxide bằng tổng khối lượng carbon và oxygen do trong phản ứng hoá học chỉ có liên kết giữa các nguyên tử thay đổi, còn số nguyên tử của mỗi nguyên tố hoá học vẫn giữ nguyên.	1,0
Câu 2 (1,0đ)	a. $2\text{Mg} + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{MgO}$	0,25
	b. Áp dụng định luật bảo toàn khối lượng: $m_{\text{Mg}} + m_{\text{O}_2} = m_{\text{MgO}}$	0,25
	$\Rightarrow 1,5 m_{\text{O}_2} + m_{\text{O}_2} = m_{\text{MgO}}$	0,25
	Vì $m_{\text{Mg}} = 1,5.m_{\text{O}_2}$ $\Rightarrow m_{\text{O}_2} = 8/2,5 = 3,2 \text{ (g)}$ Vậy $m_{\text{Mg}} = 1,5.m_{\text{O}_2} = 1,5.3,2 = 4,8 \text{ (g)}$	0,25
Câu 3 (1đ)	Giải thích: Để phòng ngừa các bệnh tim mạch, chúng ta cần thường xuyên vận động và nâng cao dần sức chịu đựng, không sử dụng rượu bia, thuốc lá, mỡ, nội tạng động vật và thực phẩm chế biến sẵn, ăn nhiều rau quả tươi, thực phẩm giàu Omega-3, đảm bảo môi trường sống sạch sẽ, tiêu diệt các tác nhân truyền bệnh qua đường máu như muỗi vằn, muỗi Anopheles.	1,0

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau: (Mỗi câu 0,25 điểm)

Câu 1: Đơn vị thường dùng để đo khối lượng riêng của 1 chất?

A. kg B. kg/m^3 C. m^3 D. g/cm^2

Câu 2: Trong các đơn vị sau đơn vị nào là đơn vị đo áp suất?

A. N/m^2 B. N.m^2 . C. N. D. N/m^3

Câu 3: Dùng đèn bẫy được lợi về lực khi?

A. Khoảng cách $\text{OO}_1 = \text{OO}_2$ B. Khoảng cách $\text{OO}_1 > \text{OO}_2$

C. Khoảng cách $\text{OO}_1 < \text{OO}_2$ D. Khi O_1 trùng O_2

Câu 4: Tình huống nào sau đây xuất hiện mô men lực?

- A. Vận động viên đang trượt tuyết B. Bóng đèn treo trên trần nhà
C. Cánh cửa quay quanh bản lề D. Nước chảy từ trên xuống

Câu 5: Hai vật nhiễm điện tích cùng loại, khi đưa chúng lại gần nhau thì chúng sẽ:

- A. Hút nhau. B. Đẩy nhau.
C. Vừa hút vừa đẩy nhau. D. Không có hiện tượng gì cả.

Câu 6: Trong các chức năng dưới đây, đâu là chức năng của hệ vận động?

- A. Co bóp và vận chuyển máu. B. Là nơi bám của các cơ.
C. Lọc máu và hình thành nước tiểu. D. Hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân.

Câu 7: Vai trò của hồng cầu là

- A. vận chuyển chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể.
B. vận chuyển các chất thải và vận chuyển O₂ và CO₂.
C. vận chuyển các chất thải.
D. vận chuyển O₂ và CO₂.

Câu 8: Các tế bào máu ở người được phân chia thành mấy loại chính?

- A. 5 loại. B. 4 loại. C. 3 loại. D. 2 loại.

Câu 9: Đâu không phải là cơ quan thuộc hệ hô hấp ở người?

- A. Tim. B. Phổi. C. Phế quản. D. Khí quản.

Câu 10: Chất độc nào dưới đây có nhiều trong khói thuốc lá?

- A. Hêrôin. B. Côcain. C. Moocphin. D. Nicôtin

Câu 11: Nhóm máu không mang kháng thể α và β có thể truyền được cho nhóm máu nào dưới đây?

- A. O B. B C. A D. AB

Câu 12: Loại thức uống nào dưới đây gây hại cho gan của bạn ?

- A. Rượu trắng B. Nước lọc
C. Nước khoáng D. Nước ép trái cây

Câu 13: Bệnh nào dưới đây có thể gây ra nhiều biến chứng nguy hiểm ở hệ tim mạch?

- A. Bệnh nước ăn chân. B. Bệnh tay chân miệng.
C. Bệnh thấp khớp. D. Bệnh á sừng.

Câu 14: Quá trình biến đổi hóa học là

- A. quá trình mà chất chỉ chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác, không tạo thành chất mới.
B. quá trình chất biến đổi có sự tạo thành chất mới.
C. quá trình chất biến đổi có sự tạo thành chất mới hoặc không tạo thành chất mới.
D. quá trình chất không biến đổi và không có sự hình thành chất mới.

Câu 15: Bản chất của phản ứng hóa học là sự thay đổi về

- A. số lượng nguyên tử mỗi nguyên tố. B. Số lượng các nguyên tố.
C. số lượng các phân tử. D. liên kết giữa các nguyên tử.

Câu 16: Chọn từ còn thiếu vào chỗ trống:

“Trong một phản ứng hóa học, ...(1) ... khối lượng của các sản phẩm bằng ...(2)... khối lượng của các chất phản ứng.”

- A. (1) tổng, (2) tích B. (1) tích, (2) tổng
C. (1) tổng, (2) tổng D. (1) tích, (2) tích

Câu 17: Cho CO₂, H₂O, N₂, H₂, SO₂, N₂O, CH₄, NH₃. Khí có thể thu được khi để đứng bình là

A. CO_2 , CH_4 , NH_3 B. CO_2 , H_2O , CH_4 , NH_3 C. CO_2 , SO_2 , N_2O D. N_2 , H_2 , SO_2 , N_2O , CH_4 , NH_3 **Câu 18:** Nồng độ phần trăm của một dung dịch cho ta biết

A. số mol chất tan trong một lít dung dịch.

B. số gam chất tan có trong 100 gam dung dịch.

C. số mol chất tan có trong 150 gam dung dịch.

D. số gam chất tan có trong dung dịch.

Câu 19 Nồng độ mol của dung dịch cho biết

A. số gam dung môi có trong 100 gam dung dịch.

B. số gam chất tan có trong 100 gam dung dịch.

C. số mol chất tan có trong một lít dung dịch.

D. số mol chất tan có trong dung dịch.

Câu 20 : : Khối lượng của calcium oxide thu được biết nung 12 gam đá vôi thấy xuất hiện 5,28 gam khí carbon dioxide là

A. 6,72 gam.

B. 3 gam.

C. 17,28 gam.

D. 5,28 gam.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (2đ)**Câu 21:** Một thỏi đồng có thể tích 3 cm^3 được nhúng hoàn toàn trong nước có khối lượng riêng 1000 kg/m^3 .a) Trọng lượng riêng của nước là 1000 N/m^3 .b) Lực đẩy archimedes tác dụng lên thỏi đồng là $0,03\text{N}$.c) Nếu thay thỏi đồng bằng thỏi nhôm có cùng thể tích thì lực đẩy archimedes tác dụng lên thỏi nhôm vẫn là $0,03\text{N}$.d) Nếu sử dụng thỏi nhôm và thay nước bằng xăng có khối lượng riêng 720 kg/m^3 thì lực đẩy archimedes tác dụng vào thỏi nhôm là $0,22 \text{ N}$.**Câu 22:** Trong các câu sau đây, câu hỗn hợp nào đúng, câu nào sai?

a. Hai dung dịch đường và muối ăn có cùng khối lượng, cùng nồng độ phần trăm thì chứa khối lượng đường và muối ăn bằng nhau.

b. Hai dung dịch đường và muối ăn có cùng khối lượng, cùng nồng độ phần trăm thì số mol đường và muối ăn bằng nhau.

c. Hai dung dịch NaOH và H_2SO_4 có cùng thể tích, cùng nồng độ mol thì chứa khối lượng chất tan bằng nhau.d. Hai dung dịch NaOH và H_2SO_4 có cùng thể tích, cùng nồng độ mol thì chứa số mol chất tan bằng nhau.**III. TỰ LUẬN (3,0 điểm)****Câu 23. (0,5 điểm):**

Giải thích được tại sao con người chỉ lặn xuống nước ở một độ sâu nhất định?

Câu 24. (1 điểm):

Nêu chức năng của mỗi cơ quan ở hệ hô hấp người?

Câu 25. (1,0 điểm)

a. Biết tỉ khối của khí B so với oxygen là 0,5 và tỉ khối của khí A đối với khí B là 2,125.

Xác định khối lượng mol của khí A?

b. Hãy cho biết khí A nặng hay nhẹ hơn không khí?

Câu 26. (0,5 điểm):

Giải thích tại sao khi cọ sát thanh thủy tinh vào vải lụa thì thanh thủy tinh nhiễm điện tích dương còn vải lụa nhiễm điện tích âm?

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	A	C	C	B	B	D	C	A	A	D	A	C	B	D	C	C	B	C	A

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (2,0đ)

Câu 21: Đáp án:

- Ý: b, c đúng
- Ý: a, d sai

Câu 22: Đáp án

- Ý a,d: đúng
- Ý b,c: sai

III. PHẦN TỰ LUẬN: (4,0 điểm)

Câu	Đáp án
Câu 17 (0,5đ)	-Do áp suất chất lỏng phụ thuộc vào độ sâu: Độ sâu càng lớn càng lớn áp suất gây ra càng lớn. -Khi con người lặn càng sâu thì áp suất chất lỏng gây ra cho cơ thể người càng lớn. đến một độ sâu nhất định sẽ vượt qua giới hạn chịu đựng của cơ thể người.
C18 (1.0đ)	- Đường dẫn khí: Dẫn khí ra và vào phổi, ngăn bụi, làm ẩm, làm ấm không khí vào phổi, đồng thời bảo vệ phổi khỏi tác nhân có hại từ môi trường. - Phổi: Trao đổi khí giữa máu và môi trường ngoài và máu trong mao mạch phổi.
C20 (1.0đ)	a. $M_B = 32.0,5 = 16$ (amu) $M_A = 2,125. 16 = 34$ (amu) b. $d_{A/KK} = M_A/29 = 34/29$. Nặng hơn KK
Câu 22 (0,5)	-Việc cọ xát (va đập) thanh thủy tinh vào mảnh lụa làm cho một số electron từ các nguyên tử thủy tinh chuyển sang nguyên tử lụa, vì vậy nguyên tử thủy tinh trở thành ion dương. Thanh thủy tinh nhiễm điện dương do ma sát. Ngược lại lúc đó các nguyên tử lụa nhận thêm điện tử trở thành ion âm, mảnh lụa nhiễm điện âm do ma sát

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn**

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án A, B, C, D

Câu 1. Hiện tượng nào sau đây xảy ra đối với khối lượng riêng của nước khi đun nước trong một bình thủy tinh?

- A. Khối lượng riêng của nước tăng.
- B. Khối lượng riêng của nước giảm.
- C. Khối lượng riêng của nước không thay đổi.
- D. Khối lượng riêng của nước lúc đầu giảm sau đó mới tăng.

Câu 2. Áp lực là

- A. lực ép vuông góc với mặt bị ép.
- B. Lực song song với mặt bị ép.
- C. lực kéo vuông góc với mặt bị kéo.
- D. lực tác dụng của vật lên giá treo.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây về áp suất chất lỏng là không đúng?

- A. Áp suất chất lỏng gây ra trên mặt thoáng bằng 0.
- B. Chất lỏng chỉ gây ra áp suất ở đáy bình chứa.
- C. Chất lỏng gây ra áp suất theo mọi phương.
- D. Áp suất chất lỏng phụ thuộc vào bản chất và chiều cao cột chất lỏng.

Câu 4. Một chiếc bè có dạng hình hộp dài 4 m, rộng 2 m. Biết bè ngập sâu trong nước 0,5 m; trọng lượng riêng của nước $10\,000\text{ N/m}^3$. Chiếc bè có trọng lượng là bao nhiêu?

- A. 40 000 N.
- B. 45 000 N.
- C. 50 000 N.
- D. Một giá trị khác.

Câu 5. Moment lực phụ thuộc vào yếu tố nào?

- A. Điểm tựa
- B. Khối lượng đòn bẩy
- C. Độ lớn của lực
- D. Giá của lực

Câu 6. Quá trình nào sau đây là biến đổi hoá học?

- A. Đốt cháy cồn trong đĩa.
- B. Hơ nóng chiếc thìa inox.
- C. Hoà tan muối ăn vào nước.
- D. Nước hoa trong lọ mở nắp bị bay hơi.

Câu 7. Bơm đầy một loại khí vào quả bóng, thấy quả bóng bị đẩy bay lên. Hỏi trong quả bóng có thể chứa loại khí nào sau đây?

- A. H_2
- B. O_2
- C. Cl_2
- D. CO_2

Câu 8. Ở 25°C , 250 gam nước có thể hòa tan tối đa 80 gam KNO_3 . Độ tan của KNO_3 ở 25°C là

- A. 32 gam/100 gam H_2O .
- B. 36 gam/100 gam H_2O .
- C. 80 gam/100 gam H_2O .
- D. 40 gam/100 gam H_2O .

Câu 9. Muối copper sulfate (CuSO_4) ngậm nước khi đun nóng sẽ bị tách nước. Nếu đun 25 g muối ngậm nước, thu được 16 g muối khan thì số mol nước tách ra là

- A. 0,25 mol.

- B. 0,5 mol.
- C. 1 mol.
- D. 9 mol.

Câu 10. Cho 6,48 g Al tác dụng hoàn toàn với dung dịch HCl dư, thu được muối AlCl_3 và khí H_2 . Thể tích khí H_2 ở 25 °C, 1 bar là

- A. 17,8488 L.
- B. 8,9244 L.
- C. 5,9496 L.
- D. 8,0640 L.

Câu 11: Trong các chức năng dưới đây, đâu là chức năng của hệ vận động?

- A. Co bóp và vận chuyển máu.
- B. Giúp cơ thể vận động và di chuyển.
- C. Lọc máu và hình thành nước tiểu.
- D. Hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân.

Câu 12: Vai trò của hồng cầu là

- A. vận chuyển chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể.
- B. vận chuyển các chất thải và vận chuyển O_2 và CO_2 .
- C. vận chuyển các chất thải.
- D. vận chuyển O_2 và CO_2 .

Câu 13: Hồng cầu bị kết dính khi truyền máu là:

- A. Hồng cầu của máu nhận
- B. Hồng cầu của máu cho
- C. Hồng cầu của máu cho và máu nhận
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 14: Vòng tuần hoàn lớn không đi qua cơ quan nào dưới đây: hiểu

- A. Dạ dày.
- B. Gan.
- C. Phổi.
- D. Não

Câu 15: Đâu không phải là cơ quan thuộc hệ hô hấp ở người?

- A. Tim.
- B. Phổi.
- C. Phế quản.
- D. Khí quản.

Câu 16: Diễn biến xảy ra ở khoang miệng là

- A. Tinh bột biến đổi thành đường maltose.
- B. Tinh bột biến đổi thành glucô
- C. Lipít biến đổi thành glyxêrin và axit béo.
- D. Prôtêin thành axit amin.

tuần hoàn bao gồ

2. Trắc nghiệm đúng sai: Trong các ý a, b, c, d. Học sinh ghi Đ hoặc S

Câu 17.

- a) Khối lượng riêng của một chất được xác định bằng khối lượng của một đơn vị thể tích chất đó
- b) Để xác định khối lượng riêng của một chất, ta cần biết khối lượng của vật.
- c) Muốn đo khối lượng riêng của các viên bi thủy tinh, ta cần dùng chỉ cần dùng một cái cân.
- d) Người ta thường nói đồng nặng hơn nhôm vì khối lượng riêng của miếng đồng lớn hơn khối lượng riêng của miếng nhôm có cùng thể tích

Câu 18. Thả một quả cầu gỗ có thể tích 100cm^3 vào nước. Biết quả cầu chìm $\frac{1}{2}$ thể tích, $D_{\text{quả cầu}} = 600\text{kg/m}^3$

- a) Quả cầu chịu tác dụng của hai lực là lực đẩy Archimedes và trọng lực P.
- b) Lực đẩy Archimedes nhỏ hơn trọng lực P
- c) Khối lượng quả cầu là 0,06kg
- d) Lực đẩy Archimedes tác dụng lên quả cầu là 0,05N

Câu 19.

Vào ngày 23/03/2018 vụ cháy tại chung cư Carina Plaza đã làm 13 người chết, 48 người bị thương và gây thiệt hại nặng nề về tài sản (nguồn vnexpress.net). Vụ cháy đã gióng lên hồi chuông cảnh báo về ý thức con người trong việc phòng chữa cháy. Em hãy cho biết các nhận định sau đúng hay sai?

A. Vụ cháy tại chung cư Carina Plaza có thể sinh ra những tác nhân gây hại cho hệ hô hấp là CO, CO₂.

B. CO không có khả năng kết hợp với Hb.

C. Tác hại chính của CO là: làm giảm hàm lượng O₂ trong không khí.

D. Những hành động cần thiết thường làm để thoát khỏi đám cháy là: Cúi thấp người khi di chuyển đôi khi phải bò dưới sàn vì khói luôn bay lên cao, lấy khăn thấm nước che kín miệng và mũi để lọc không khí chống nhiễm khói khi hít thở.

PHẦN II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 20. (1,0 điểm) Thể tích của một miếng sắt là 2dm³. Tính lực đẩy Ác – si – mét tác dụng lên miếng sắt khi nó được nhúng chìm trong nước, trong rượu. Nếu miếng sắt được nhúng ở độ sâu khác nhau, thì lực đẩy Ác – si – mét có thay đổi không? Tại sao?

Câu 21. (1,0 điểm). Cho một khối lượng mạt sắt dư vào 200 ml dd HCl. Sau phản ứng thu được 9,916 lít khí H₂(đktc).

a. Viết PTHH ?

b. Tính khối lượng mạt sắt tham gia phản ứng?

c. Tính nồng độ mol của dd HCl đã dùng?

Câu 22. (1,0 điểm)

a. Trình bày chức năng của mỗi cơ quan ở hệ hô hấp người?

b. Để bảo vệ hệ tiêu hóa theo em cần phải có các biện pháp nào?

---HẾT---

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN KHTN 8

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: (4,0 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
B	A	B	A	C	A	A	A	B	B	B	D	B	C	A	A

2. Trắc nghiệm đúng sai: (3,0 điểm)

- Trong mỗi ý a, b, c, d:

+ HS trả lời đúng cả 4 ý được 1,0 điểm.

+ HS trả lời được 3/4 ý được 0,5 điểm.

+ HS trả lời được 2/4 ý được 0,25 điểm.

+ HS trả lời được 1/4 ý được 0,1 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
17	a)	Đ	18	a)	Đ	19	a)	Đ
	b)	S		b)	S		b)	S
	c)	S		c)	Đ		c)	Đ

	d)	Đ		d)	S		d)	Đ
--	----	---	--	----	---	--	----	---

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**Câu 20.**

Ta có: $V_{\text{sắt}} = 2\text{dm}^3 = 0,002\text{m}^3$.

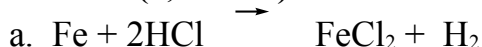
Lực đẩy Ác – si – mét tác dụng lên miếng sắt khi miếng sắt được nhúng chìm trong nước là:

$$F_{\text{nước}} = d_{\text{nước}} \cdot V_{\text{sắt}} = 10000\text{N/m}^3 \cdot 0,002\text{m}^3 = 20\text{N}$$

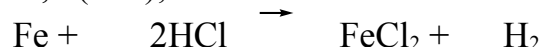
Lực đẩy Ác – si – mét tác dụng lên miếng sắt khi miếng sắt được nhúng chìm trong rượu là:

$$F_{\text{rượu}} = d_{\text{rượu}} \cdot V_{\text{sắt}} = 8000\text{N/m}^3 \cdot 0,002\text{m}^3 = 16\text{N}$$

Lực đẩy Ác – si – mét không thay đổi khi nhúng vật ở những độ sâu khác nhau vì lực đẩy Ác – si – mét chỉ phụ thuộc vào trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

Câu 21. (1,0 điểm)

b. $n_{\text{H}_2} = 0,4 \text{ (mol)}$;



Theo PT: 1 mol 2mol 1 mol

Theo bài: 0,4 mol 0,8mol 0,4mol

$$m_{\text{Fe}} = 0,4 \cdot 56 = 22,4(\text{g})$$

$$\text{c. } C_{\text{M(HCl)}} = 0,8 : 0,2 = 4(\text{M})$$

Câu 22. (0,5 điểm)

a. Trình bày chức năng của mỗi cơ quan ở hệ hô hấp người?

- Đường dẫn khí: Dẫn khí ra và vào phổi, ngăn bụi, làm ẩm, làm ấm không khí vào phổi, đồng thời bảo vệ phổi khỏi tác nhân có hại từ môi trường.

- Phổi: Trao đổi khí giữa máu và môi trường ngoài và máu trong mao mạch phổi.

b.

Để bảo vệ hệ tiêu hóa theo em cần phải có các biện pháp nào? (vận dụng)

- Đường dẫn khí: Dẫn khí ra và vào phổi, ngăn bụi, làm ẩm, làm ấm không khí vào phổi, đồng thời bảo vệ phổi khỏi tác nhân có hại từ môi trường.

- Phổi: Trao đổi khí giữa máu và môi trường ngoài và máu trong mao mạch phổi.

- Vệ sinh răng miệng đúng cách, chế độ dinh dưỡng hợp lý

- Nghỉ ngơi và sinh hoạt điều độ, giữ tinh thần thoải mái

---HẾT---

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I ĐỀ 1**KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8****1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỷ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Khối lượng riêng và áp suất	Khối lượng riêng	1		2							1		2	7,5%=0,75đ
		Áp suất trên một bề mặt			1									1	2,5%=0,25đ
		Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển		1		2	2					2	3		12,5%=1,25đ
2	Phản ứng hóa học	Dung dịch và nồng độ	2			2	2					4	2		15%=1,5đ
		Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học	1		1				1	1		2	1	1	25%=2,5đ
		Tốc độ phản ứng và chất xúc tác		1									1		2,5%=0,25đ
3	Một số hợp chất thông dụng	Acid	1	1	1							1	1	1	7,5%=0,75đ
4	Sinh học cơ thể người	Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người	1		1							1		1	5%=0,5đ
		Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	1	1	1						1	1	1	2	17,5%=1,75đ
		Hệ hô hấp ở	1		1							1		1	5%=

	người													0,5đ
Tổng số câu		8	4	8	4	4		1	1	1	12	10	9	100
Tổng số điểm		5,0 điểm			2,0 điểm			3,0 điểm			4,0 điểm	3,0 điểm	3,0 điểm	10
Tỷ lệ %		50%			20%			30%			40%	30%	30%	100

2. KHUNG BÀN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (được tách ra theo 3 mức độ)	Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá								
				Trắc nghiệm khách quan						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
2	Khối lượng riêng và áp suất	Khối lượng riêng	Biết Nêu được định nghĩa khối lượng riêng. Vận dụng - Vận dụng được công thức tính khối lượng riêng của một chất khi biết khối lượng và thể tích của vật. Hoặc bài toán cho biết hai đại lượng trong công thức và tính đại lượng còn lại.	C1(I)		C2,3(I)						
		Áp suất trên một bề mặt	Vận dụng Vận dụng được công thức tính áp suất khi biết độ lớn của áp lực trên một đơn vị diện tích bị ép. Hoặc bài toán cho biết hai đại lượng trong công thức và tính đại lượng còn lại.			C4(I)						
		Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển	Biết - Lấy được ví dụ về sự tồn tại của áp suất chất lỏng. - Lấy được ví dụ chứng tỏ không khí (khí quyển) có áp suất. - Mô tả được hiện tượng bất thường trong tai khi con người thay đổi độ cao so với mặt đất. Hiểu - Lấy được ví dụ để chỉ ra được áp				C1(II) a,b					

			suất chất lỏng tác dụng lên mọi phương của vật chứa nó. - Nêu được điều kiện vật nổi (hoặc vật chìm) là do khối lượng riêng của chúng nhỏ hơn hoặc lớn hơn lực đẩy Archimedes.		C5(I)				C1(II) c,d				
2	Phản ứng hóa học	Dung dịch và nồng độ	Biết: - Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau. - Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol.. Hiểu: Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức.	C6(I) C7(I)			C2(II)						
		Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học	Biết: - Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng. - Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học Hiểu: - Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể và cho biết tỉ lệ số mol các chất tham gia trong phản ứng. Vận dụng: Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C.	C8(I)						C1 (III)		C2 (III)	
		Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	Biết Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học).		C10 (I)								

3	Một số chất thông dụng	Acid	Biết Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+). Hiểu: Hiểu được tính chất hóa học của acid Vận dụng: Vận dụng tính chất hóa học để xác định thành phần tham gia.	C11 (I)		C13(I)						
4	Chủ đề 4	Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người	Biết: Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá. Vận dụng: Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình	C14 (I)		C18(I)						
		Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	Biết: - Nhận biết được các loại tế bào máu Hiểu: - Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn (ví dụ trong cấp cứu phải truyền máu) Vận dụng: Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình	C15 (I)	C17 (I)	C19(I)						C3 (III)
		Hệ hô hấp ở người	Biết : Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng tránh Vận dụng: Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình.	C16 (I)		C20(I)						

		Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người	Biết: Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá. Vận dụng: Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình.	C14 (I)		C18(I)								
Tổng số câu														
Tổng số điểm					5,0 điểm			2,0 điểm			3,0 điểm			
Tỷ lệ %					50%			20%			30%			

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I ĐỀ 2

KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỷ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 1: Khối lượng riêng và áp suất	Khối lượng riêng	1									1			
		Lực đẩy Árchimedes					1	1					1	1	
		Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển	1									1	1		1

2	Chủ đề 2: Tác dụng làm quay của lực	Tác dụng làm quay của lực. Moment lực	1	1									2		
3	Chủ đề 3: Điện	Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	1								1	1		1	
4	Chủ đề 4: Sinh học cơ thể người	Hệ vận động	1												
		Hệ tuần hoàn	2	1											
		Hệ hô hấp	1	1							1				
		Hệ bài tiết	1												
		Hệ nội tiết ở người		1											
5	Chủ đề 5: Phản ứng	Phản ứng hóa học	2	1											

	hóa học														
		Mol và tỉ khối mol chất khí			1					1					
		Dung dịch và nồng độ.	2				1								
		Định luật BTKL			1										
Tổng số câu			13	5	2	4	2		3						
Tổng số điểm			Khoảng 5 điểm			Khoảng 2 điểm		Khoảng 3 điểm			Khoảng 4 điểm	Khoảng 3 điểm	Khoảng 3 điểm	Khoảng 3 điểm	10
Tỷ lệ %			Khoảng 50%			Khoảng 20%		Khoảng 30%			Khoảng 40%	Khoảng 30%	Khoảng 30%	Khoảng 30%	10

II. KHUNG BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (được tách ra theo 3 mức độ)	Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá								
				Trắc nghiệm khách quan						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1: Khối lượng riêng và áp suất	Khối lượng riêng	Biết - Kể tên được một số đơn vị khối lượng riêng của một chất: kg/m ³ ; g/m ³ ; g/cm ³ ;	C1								
		Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển	Biết - Lấy được ví dụ về sự tồn tại của áp suất chất lỏng. - Lấy được ví dụ chứng tỏ không khí	C2								

			<p>(khí quyển) có áp suất.</p> <p>- Mô tả được hiện tượng bất thường trong tai khi con người thay đổi độ cao so với mặt đất.</p> <p>Hiểu</p> <p>- Lấy được ví dụ để chỉ ra được áp suất chất lỏng tác dụng lên mọi phương của vật chứa nó.</p> <p>- Nêu được điều kiện vật nổi (hoặc vật chìm) là do khối lượng riêng của chúng nhỏ hơn hoặc lớn hơn lực đẩy Archimedes.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Tính được độ lớn lực đẩy Archimedes</p>					C21 (a,c)				
2	Chủ đề 2: Tác dụng làm quay của lực	Tác dụng làm quay của lực	<p>Nhận biết</p> <p>- Lấy được ví dụ về chuyển động quay của một vật rắn quanh một trục cố định.</p>	C4	C3							

			Thông hiểu - Lấy được ví dụ thực tế trong lao động sản xuất trong việc sử dụng đòn bẩy và chỉ ra được nguyên nhân sử dụng đòn bẩy đúng cách sẽ giúp giảm sức người và ngược lại. - Nêu được tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực.									
3	Chủ đề 3: Điện	Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	Hiểu - Giải thích được sự nhiễm điện do cọ xát		C5						C26	
4	Sinh học và cơ thể người	Hệ vận động	Biết: Chức năng của hệ vận động	C6								
		Hệ tuần hoàn	Biết về cấu tạo và chức năng của hệ tuần hoàn; Hiểu về cơ chế truyền máu	C7,C8	C11							
		Hệ hô hấp	Biết về cơ quan hô hấp Hiểu: liên hệ hiểu được tác hại của thuốc lá	C9	C10						C24	
		Hệ bài tiết	Biết liên hệ thực tế	C12								

			của Rượu đối với chức năng gan									
		Hệ nội tiết ở người	Hiểu được các loại bệnh ảnh hưởng đối với hệ nội tiết		C13							
5	Phản ứng hóa học	Phản ứng hóa học	Hiểu bản chất của PUHH	C14,C15	C16							
		Mol và tỉ khối mol chất khí	Hiểu về tính tỉ khối Vận dụng tính tỉ khối chất khí			C17						C25
		Dung dịch và nồng độ.	Biết khái niệm về nồng độ C%; C _M . Hiểu: So sánh nồng độ dung dịch các chất	C18,C19				C22				
		Định luật BTKL	Vận dụng biểu thức định luật BTKL . tính khối lượng chất PU			C20						
Tổng số câu				13	5	2	2				2	1
Tổng điểm				5 điểm			2 điểm			3 điểm		
Tỉ lệ %				50%			20%			30%		

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I ĐỀ 3**KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8****I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

- **Thời điểm kiểm tra:** Đánh giá cuối kì I
- **Thời gian làm bài:** 90 phút
- **Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm + tự luận
- **Cấu trúc:** Mức độ đề: 40 % Nhận biết; 30 % Thông hiểu; 30 % Vận dụng. (chia tỉ lệ điểm theo số tiết thực dạy đến thời điểm kiểm tra giữa kì)
- **Trắc nghiệm: 7,0 điểm gồm:**
 - + 16 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 4,0 điểm, mỗi câu 0,25 điểm;
 - + 03 câu trắc nghiệm đúng sai: 3,0 điểm, mỗi câu 04 ý, mỗi ý 0,25 điểm.
- **Tự luận: 3,0 điểm**
 - + Gồm 03 câu hỏi tự luận.

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng Số câu/ý			Tỷ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề Khối lượng riêng và áp suất	Bài 13. Khối lượng riêng		1		1/4	1/4	1/2				1/4	1/4	1/2	12,5%
		Bài 15. Áp suất trên một bề mặt	1									1			2,5%
		Bài 16. Áp suất chất lỏng – Áp suất khí quyển		1								1			2,5%
		Bài 17. Lực đẩy Archimedes			1	1/4	1/4	1/2			1	1/4	1/4	2	22,5%
		Bài 18. Tác dụng làm quay của lực. Moment lực	1								1				2,5%
2	Chủ đề Phản ứng hóa học	Bài 2. Phản ứng hóa học	1								1				2,5%
		Bài 3. Mol và tỉ khối chất khí		1								1			2,5%
		Bài 4. Dung dịch và		1								1			2,5%

		nồng độ													
		Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học	1								1				2,5
		Bài 6. Tính theo phương trình hóa học			1					1			2		12,5
3	Chủ đề Sinh học và cơ thể người	Khái quát cơ thể người	1								1				2,5
		Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người		1						1		1	1		7,5
		Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người		3								3			7,5
		Hệ hô hấp ở người	1			1/4	1/2	1/4		1		5/4	1/2	5/4	17,5
Tổng số câu														22	
Tổng số điểm														10	
Tỷ lệ %														10	

II. KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (được tách ra theo 3 mức độ)	Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá								
				Trắc nghiệm khách quan						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề Khối lượng riêng và áp suất	Bài 13. Khối lượng riêng	Nhận biết - Nêu được định nghĩa khối lượng riêng. - Kể tên được một số đơn vị khối lượng riêng của một cát: kg/m³; g/m³; g/cm³; ... Thông hiểu - Viết được công thức: $D = m/V$; trong đó d là khối lượng riêng của một chất, đơn vị là kg/m³; m là khối lượng của vật [kg]; V là thể tích của vật [m³] - Mô tả được các bước tiến hành thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một vật hình hộp chữ nhật (hoặc của một lượng chất lỏng hoặc là một vật hình dạng bất kì		C1		C17a	C17b	C17cd			

			nhưng có kích thước không lớn). Vận dụng - Vận dụng được công thức tính khối lượng riêng của một chất khi biết khối lượng và thể tích của vật. Hoặc bài toán cho biết hai đại lượng trong công thức và tính đại lượng còn lại									
		Bài 15. Áp suất trên một bề mặt	Nhận biết - Phát biểu được khái niệm về áp suất. - Kể tên được một số đơn vị đo áp suất: N/m^2 ; Pascal (Pa)	C2								
		Bài 16. Áp suất chất lỏng – Áp suất khí quyển	Nhận biết - Lấy được ví dụ về sự tồn tại của áp suất chất lỏng. - Lấy được ví dụ về sự tồn tại lực đẩy Archimedes. - Lấy được ví dụ chứng tỏ không khí (khí quyển) có áp suất. - Mô tả được hiện tượng bất thường trong tai khi con người thay đổi độ cao so với mặt đất.	C3								
		Bài 17. Lực đẩy Archimedes	Vận dụng được công thức tính độ lớn của lực đẩy Archimedes			C4	C18a	C18b	C18cd			C20
		Bài 18. Tác dụng làm quay của lực. Moment lực	Nhận biết - Lấy được ví dụ về chuyển động quay của một vật rắn quanh một trục cố định		C5							
2	Chủ đề. Phản ứng hóa học	Bài 2. Phản ứng hóa học	Nhận biết – Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. – Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản	C6								

			phẩm									
		Bài 3. Mol và tỉ khối chất khí	Thông hiểu – Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m) – So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối. – Sử dụng được công thức $n(\text{mol}) = \frac{V(\text{L})}{24,79(\text{L} / \text{mol})}$ để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C.		C7							
		Bài 4. Dung dịch và nồng độ	Thông hiểu Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức.		C8							
		Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học	Nhận biết: Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng.	C9								
		Bài 6. Tính theo phương trình hóa học	Vận dụng – Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C. - Tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.			C10						C21
3	Chủ đề Sinh học và cơ thể người	Bài 30. Khái quát cơ thể người	Nhận biết được chức năng của hệ vận động	C11								
		Bài 32. Dinh dưỡng và tiêu hoá ở	Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình.		C12							C22

		người										
		Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	– Hiểu được thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương), hiện tượng kết dính hồng cầu.		C13, C14, C15							
		Bài 34. Hệ hô hấp ở người	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được các cơ quan của hệ hô hấp ở người Hiểu được chức năng mỗi cơ quan của hệ hô hấp ở người. 	C16			C19a	C19bc	C19d			
Tổng số câu												
Tổng số điểm												
Tỷ lệ %												